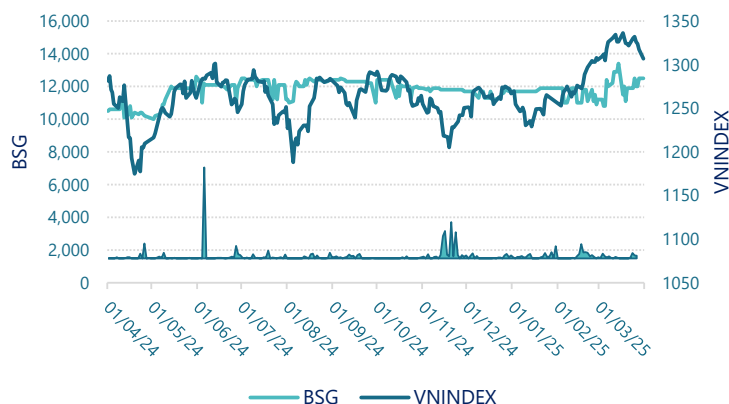


CTCP Xe khách Sài Gòn (UPCOM: BSG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,000
SL cổ phiếu LH	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,015
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	750
P/E	20.4
EPS	612

DT thuần

Q1/25

111

tỷ VNĐ

QoQ: ▼49.0| -30.4%

YoY: ▼37.0| -24.8%

LN sau thuế

Q1/25

1.50

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.4| -89.2%

YoY: ▼8.16| -84.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

7.2%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

2024

628

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 113| 21.8%

LN sau thuế

2024

44.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.90| 28.1%

ROE

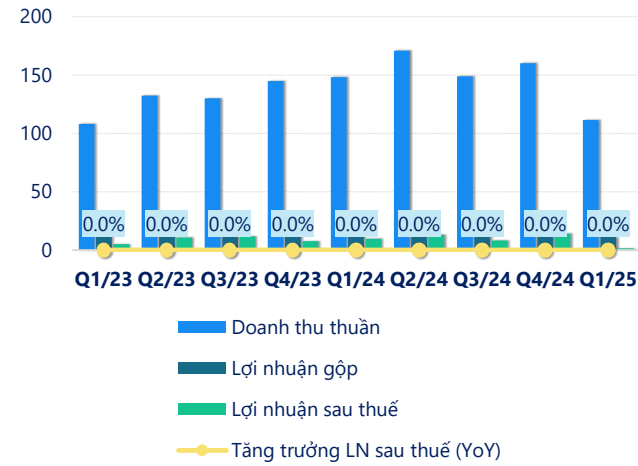
2024

12.7%

+/- YoY: ▲ 1.5%

tỷ VNĐ

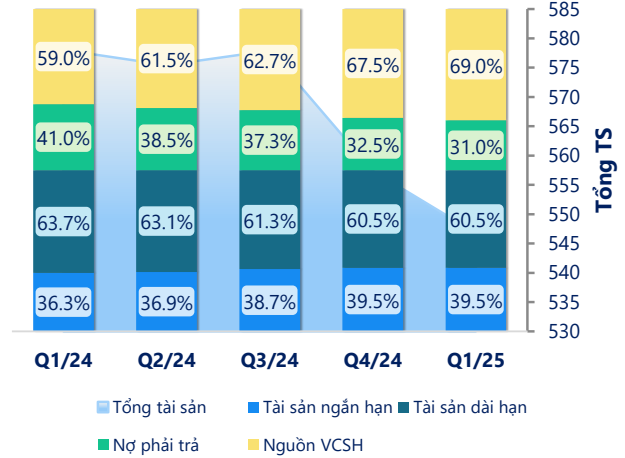
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

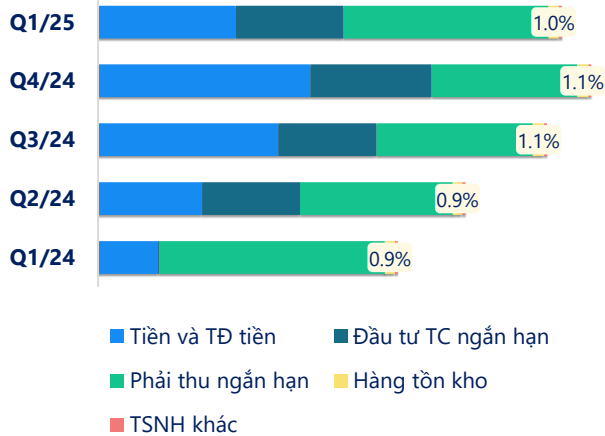
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



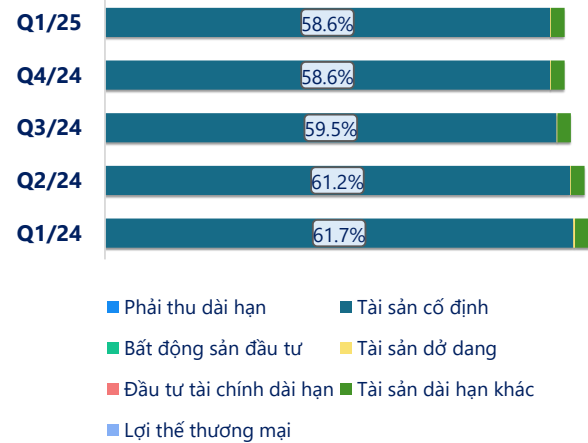
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

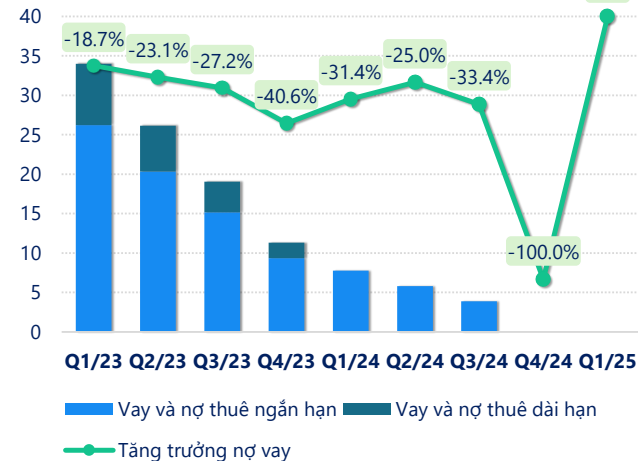
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

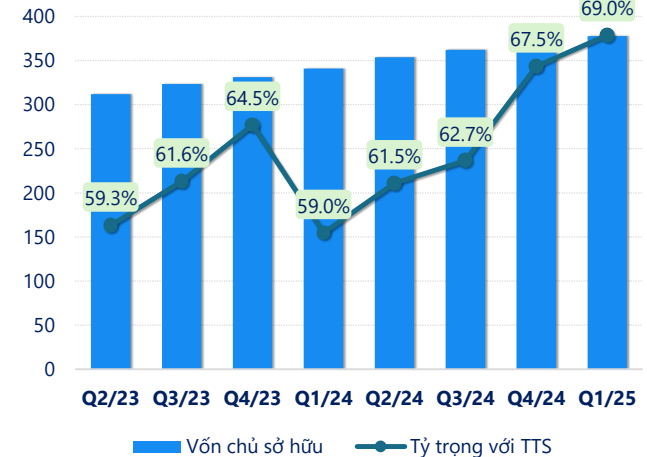
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

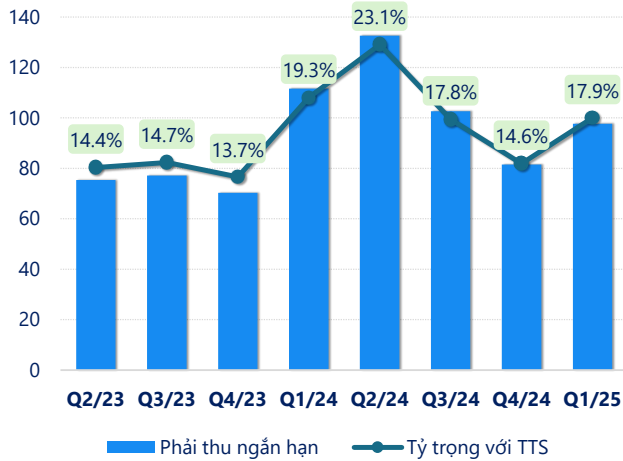
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



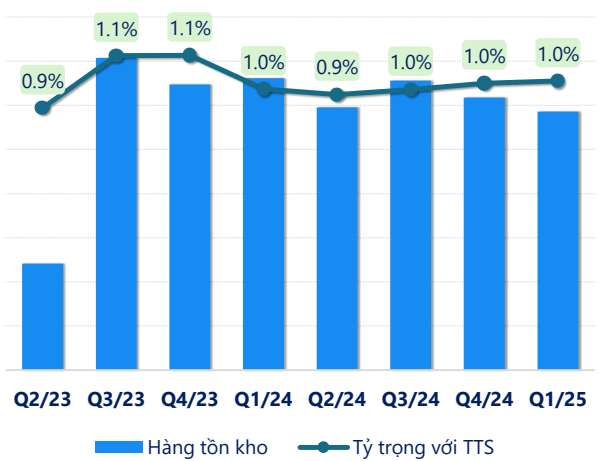
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


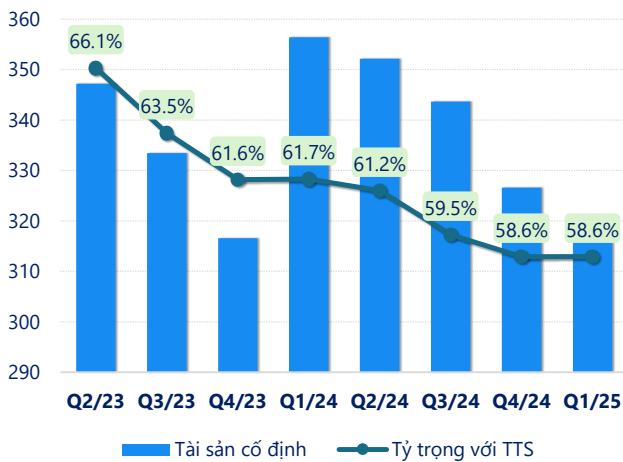
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


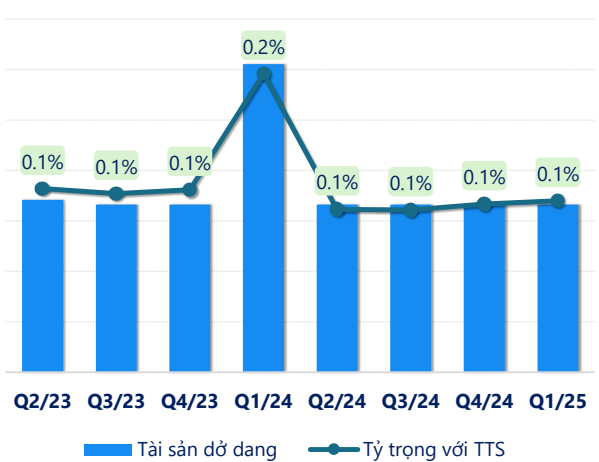
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

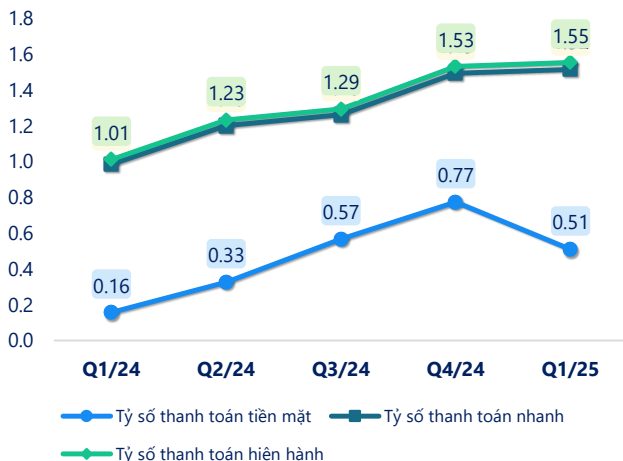
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

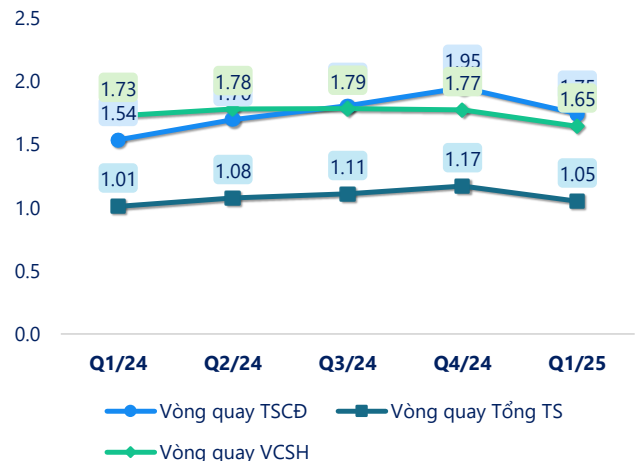
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	578	575	578	557	547
Tài sản ngắn hạn	210	212	223	220	216
Tiền và tương đương tiền	32.5	56.2	97.9	111	70.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.5	15.5	15.5	20.7	40.7
Phải thu ngắn hạn	112	133	103	81.5	97.6
Hàng tồn kho	5.52	5.39	5.51	5.44	5.37
Tài sản ngắn hạn khác	1.66	2.46	1.82	1.22	1.45
Tài sản dài hạn	368	363	354	337	331
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	356	352	344	327	320
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.22	0.66	0.66	0.66	0.66
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	10.6	10.4	10.2	10.0	9.81
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	237	222	216	181	169
Nợ ngắn hạn	207	172	173	144	139
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.76	5.82	3.88	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	146	101	88.1	70.4	80.0
Nợ dài hạn	29.8	49.4	43.2	37.6	30.3
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	341	354	362	376	378
Vốn chủ sở hữu	341	354	362	376	378
Vốn điều lệ	600	600	600	600	600
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)